

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TU  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2018

V/v: Ly hôn và tranh chấp  
về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Thêm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Quốc Quân;
2. Ông Võ Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa:* Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 367/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Huỳnh Ngọc N tự nguyện tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý và đăng ký kết hôn ngày 09/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống với bố mẹ chồng tại ấp Tân Thạnh, xã T, huyện N, tỉnh C. Đến năm 2010, vợ chồng

chuyển đến Bình Dương lập nghiệp và sinh sống tại tổ 5, ấp 3, xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ý kiến trong các vấn đề trong gia đình. Hơn nữa, ông N không lo làm ăn, phụ giúp bà L trong việc chăm sóc con mà thường xuyên uống rượu say về nhà kiếm chuyện với vợ con. Vì muốn có cuộc sống gia đình hạnh phúc, các con còn nhỏ cần được sự chăm sóc của cả bố và mẹ nên bà L đã nhiều lần cố gắng khuyên can nhưng ông N không thay đổi. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc N.

- Về con chung: Trong thời kỳ chung sống, bà L và ông N có 03 con chung tên Huỳnh Thanh L, sinh ngày 12/4/1989; Huỳnh Thị T, sinh ngày 04/8/1992 và Huỳnh Thị N, sinh ngày 12/11/2000. Sau khi ly hôn bà Trần Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị N, không yêu cầu ông Huỳnh Ngọc N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai con chung tên Huỳnh Thanh L, sinh ngày 12/4/1989 và Huỳnh Thị T, sinh ngày 04/8/1992 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

- + Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn;
- + Bản sao Giấy khai sinh mang tên Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thị T và Huỳnh Thị N;
- + Bản photocopy Chứng minh nhân dân mang + sổ hộ khẩu mang tên Huỳnh Ngọc N;
- + Bản photocopy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị L.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc N được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo biên bản xác minh ngày 15/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương thì ông Huỳnh Ngọc N có sinh sống và đăng ký thường trú tại địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Về mâu thuẫn của vợ chồng cũng như yêu cầu nuôi con chung thì đại diện chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

Về nội dung: Bà Trần Thị L và ông Huỳnh Ngọc N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 209, quyển số 01, ngày 09/7/2010). Bà Trần Thị L yêu cầu ly hôn vì ông Huỳnh Ngọc N không lo làm ăn, phụ giúp bà L trong việc chăm sóc con mà thường xuyên uống rượu say rồi về kiếm chuyện với vợ con. Bà L yêu cầu được quyền nuôi con phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Thị N; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị L có đơn khởi yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Ngọc N và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Huỳnh Ngọc N có sinh sống và đăng ký thường trú tại địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Huỳnh Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 27/10/2017 và 22/12/2017 nhưng ông N vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ ông Huỳnh Ngọc N tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 07/02/2018 nhưng ông N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập ông N tham gia phiên tòa vào ngày 27/02/2018 nhưng ông N vắng mặt không có lý do là ông N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Huỳnh Ngọc N là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh C (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 209, quyển số 01, ngày 09/7/2010), đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Huỳnh Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy ông N hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình. Xét, mâu thuẫn giữa bà L và ông N đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Trần Thị L yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Ngọc N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[4]. Về con chung: Bà L và ông N có 03 con chung tên Huỳnh Thanh L, sinh ngày 12/4/1989; Huỳnh Thị T, sinh ngày 04/8/1992 và Huỳnh Thị N, sinh ngày 12/11/2000. Sau khi ly hôn bà Trần Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị N, không yêu cầu ông Huỳnh Ngọc N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai con chung tên Huỳnh Thanh L, sinh ngày 12/4/1989 và Huỳnh Thị T, sinh ngày 04/8/1992 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Bản tự khai ngày 27/10/2017, cháu Huỳnh Thị N có nguyện vọng được ở cùng với bà L. Do đó, bà L yêu cầu được quyền nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngọc không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con” nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hai cháu Huỳnh Thanh L, sinh ngày 12/4/1989 và Huỳnh Thị T, sinh ngày 04/8/1992 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[7]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Huỳnh Ngọc N như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc N.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị N, sinh ngày 12/11/2000 cho bà Trần Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Huỳnh Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Ngọc N và bà Trần Thị L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông N được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông N lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2016/0013265, ngày 14/9/2017** của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Ngọc N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**N nhận:**

- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THA Dân sự thị xã TU;
- UBND xã T;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Hồng Thâm**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Lượng Nguyễn Thị Ngọc Anh**

**Võ Thị Hồng Thâm**